

**BÁO CÁO**  
**Đánh giá kết quả thực hiện KHCL 2011 - 2015**  
**và xây dựng KHCL 2016 - 2020**

---

**1. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2010-2015**

**1.1. Công tác xây dựng đội ngũ**

Tổng số cán bộ của Khoa: 15 (cập nhật đến 01/11/2015) so với 16 (số liệu 2011, bao gồm một số cán bộ đã nghỉ việc, không liệt kê họ tên).

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	HV/HH (2011)	HV/HH (2015)	Ghi chú
	<b>BM LÝ THUYẾT TIẾNG</b>				
1	Bùi Mỹ Hạnh	03/05/1962	TS	TS	
2	Dương Thị Thu Hương	06/04/1962	ThS	ThS	
3	Đỗ Thị Tuyết Nhung	26/08/1964	ThS	ThS	
	<b>BM THỰC HÀNH TIẾNG CƠ BẢN</b>				
4	Huỳnh Thị Kim Thoa	22/03/1962	ThS	ThS	
5	Trần Thị Thanh Trúc	02/08/1980	ThS	ThS, NCS	NCS tại VN
6	Đình Thụy Di	03/11/1988	CN	ThS	
7	Trần Thị Thanh Huyền	01/12/1989	Chưa vào	ThS	
8	Lê Thị Cẩm Thủy	02/08/1989	Chưa vào	ThS	
9	Nguyễn Thị Kiều Vy		CN	NCS	NCS tại Nga
	<b>BM THỰC HÀNH TIẾNG NÂNG CAO</b>				
10	Nguyễn Vũ Hương Chi	08/12/1977	TS	TS	
11	Nguyễn Anh Thư	24/05/1965	ThS	ThS	
	<b>BM VĂN HÓA – VĂN HỌC NGA</b>				
12	Phạm Thị Thu Hà	22/08/1962	ThS	ThS	
13	Bùi Thị Thuý Nga	28/03/1979	ThS	ThS	
	<b>TỔ CHUYÊN VIÊN</b>				
14	Huỳnh Anh Khoa	09/09/1990	Chưa vào	CN	CN Nga văn
15	Bùi Thị Ngọc Dung	03/08/1990	Chưa vào	CN	CN Nga văn

- Số cán bộ đang công tác tại Khoa: 14 cán bộ.
- Số cán bộ đang học tập và công tác ở nước ngoài: 01 cán bộ (NCS tại Nga).
- Về học hàm của cán bộ trong Khoa: 06 GVC, 06 giảng viên, 03 chuyên viên.
- Về học vị của cán bộ trong Khoa: 02 TS, 10 ThS, 02 cử nhân; trong số 6 giảng viên là ThS có 01 NCS đang học tập trong nước; trong số 03 CN có 01 đang học NCS ở nước ngoài, 01 đang học ThS trong nước và 01 sẽ đi học NCS ở nước ngoài vào năm 2015.

- Trong 5 năm vừa qua, số lượng cán bộ trong Khoa giảm đi do nghỉ việc, chuyển khoa và nghỉ hưu. Tuy nhiên, chất lượng (trình độ chuyên môn) của đội ngũ GV của khoa tăng lên.

- Với lượng cán bộ viên chức nêu trên, với nhu cầu thực tế từ việc đào tạo, số lượng CBGD của Khoa nhìn chung vẫn thiếu. Tất cả GV trong Khoa đều phải dạy vượt chuẩn, thậm chí phần lớn GV dạy vượt chuẩn quá 200 giờ.

- Về chiến lược con người, 15 cán bộ, giáo viên thuộc Khoa Ngữ văn Nga là một tập thể thống nhất, giỏi về chuyên môn, vững về tư tưởng chính trị, có đạo đức tốt, đồng thời không ngừng trưởng thành về mọi mặt trong thực tế công tác, đủ khả năng hoàn thành tốt mọi công việc được giao.

**Tự đánh giá:** Hoàn thành tốt mục tiêu đã đề ra về việc xây dựng đội ngũ cán bộ cho giai đoạn 2011-2015.

**Kiến nghị:** Nhà trường nên tạo điều kiện cho Khoa tăng nhân sự để tránh tình trạng dạy quá tải của GV, chú ý tạo môi trường nhân văn và điều kiện thuận lợi cho giảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

## **1.2. Công tác đào tạo**

- Hoàn thành tốt công tác đào tạo cho hai hệ đào tạo của Khoa: bao gồm sinh viên hệ chính quy và hệ sau đại học.

- Sửa đổi và hoàn thiện các bộ Đề cương chi tiết các môn học theo Bộ tiêu chuẩn của Mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á (AUN).

- Trong 5 năm qua, cán bộ giáo viên Khoa tham gia công tác quản lý, giảng dạy nhiệt tình, trách nhiệm. Đa số đều dạy vượt giờ chuẩn theo qui định, cố gắng đảm nhiệm 100% các môn học. Đây là một nỗ lực rất lớn của Khoa trong những năm học vừa qua.

- Theo kế hoạch của Trường, tổ chức Hội nghị nhà tuyển dụng, lấy ý kiến của các bên liên quan, tiến hành chỉnh sửa chuẩn đầu ra cấp Chương trình đào tạo và cấp môn học.

- Những mặt còn tồn đọng, cần phải tiếp tục khắc phục và hoàn thiện. Có thể thấy rõ nhất một số điểm sau đây:

Thứ nhất, cần tiếp tục đẩy mạnh phương thức đào tạo liên thông giữa các Khoa, Bộ môn thuộc Trường. Chú ý hơn đến mảng đào tạo Cao đẳng Anh văn của SV Khoa.

Thứ hai, đẩy mạnh công tác soạn và xuất bản giáo trình, tài liệu tham khảo. Trong những năm học vừa qua, số cán bộ trong Khoa có giáo trình và tài liệu tham khảo được xuất bản nhìn chung còn hạn chế.

Thứ ba, tích cực hơn trong việc tổ chức Hội nghị nhà tuyển dụng để có thể tham khảo thực tế trong việc điều chỉnh chuẩn đầu ra và đề cương các môn học.

**Tự đánh giá:** Hoàn thành nhiệm vụ.

**Kiến nghị:** Nếu có thể, Nhà trường nên quan tâm chú ý giải quyết vấn đề trong việc phá vỡ tính khép kín giữa các đơn vị đào tạo chuyên môn, đẩy mạnh phương thức đào tạo liên thông giữa các Khoa, Bộ môn thuộc Trường.

### **1.3. Công tác nghiên cứu khoa học**

Về mảng nghiên cứu khoa học sinh viên, Khoa luôn vận động khuyến khích SV tham gia nghiên cứu khoa học và đã đạt được các kết quả nhất định: Trong những năm học từ 2011-2015, số lượng đề tài khoa học sinh viên là 11 đề tài, trong đó có những đề tài được giải thưởng cấp trường.

Về mảng nghiên cứu khoa học của cán bộ trong Khoa: Trong 5 năm vừa qua, Khoa đã tổ chức thành công một Hội nghị khoa học dành cho GV vào năm 2012 và giữa tháng 12 năm nay sẽ tổ chức thêm một Hội nghị khoa học dành cho GV. Cán bộ trong Khoa có hai công trình nghiên cứu khoa học cấp Trường, trong đó có một công trình được nghiệm thu đạt loại Tốt.

Cán bộ Khoa tổ chức viết 04 giáo trình và nhiều sách tham khảo phục vụ trực tiếp cho việc giảng dạy đã được xuất bản.

Về tình hình công bố, trong năm học từ 2011-2015, cán bộ Khoa đã có 08 bài viết được đăng trên kỷ yếu hội thảo quốc tế và trên tạp chí chuyên ngành quốc tế cũng như trong nước có mã số ISSN, ISBN. Tuy nhiên, thành tích nghiên cứu khoa học và công bố của cán bộ trong Khoa chưa cao, hơn nữa thường chỉ tập trung ở một số người. Một trong những lý do chính là GV của phải dạy quá nhiều giờ, không còn thời gian và sức lực cho NCKH.

**Tự đánh giá:** Hoàn thành nhiệm vụ.

**Kiến nghị:** Để kích thích hoạt động nghiên cứu khoa học và công bố, Nhà trường cần có chính sách hỗ trợ cao hơn hiện nay với những sản phẩm công bố trong và ngoài nước. Ngoài ra, cần có cơ chế thưởng phạt đủ sức khuyến khích và răn đe với những giảng viên không hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, đặc biệt với giảng viên có trình độ tiến sĩ.

### **1.4. Hoạt động đảm bảo chất lượng**

#### **1.4.1. Rà soát và điều chỉnh chương trình giáo dục**

- Rà soát và điều chỉnh chuẩn đầu ra của chương trình giáo dục;
- Rà soát và điều chỉnh các đề cương chi tiết;

- Bổ sung hoặc sửa đổi các môn học/tên môn học, số tín chỉ;
- Lấy ý kiến của nhà tuyển dụng về chương trình giáo dục;

#### **1.4.2. Xem xét và điều chỉnh quá trình đào tạo**

- Theo dõi quá trình giảng dạy của giảng viên (dự giờ);
- Theo dõi quá trình ra đề thi, coi thi, chấm thi, trả điểm thi...;
- Xử lý kết quả phản hồi từ các bên có liên quan do Phòng KT&ĐBCL cung cấp;
- Xử lý các thắc mắc, khiếu nại của người học;

#### **1.4.3. Theo dõi và điều chỉnh công tác hỗ trợ - phục vụ người học**

- Công tác cố vấn học tập, công tác chủ nhiệm, giờ tiếp sinh viên,...;
- Công tác hoạt động ngoại khóa như câu lạc bộ Tiếng Nga, tư vấn hướng nghiệp, huấn luyện kỹ năng mềm...;
- Việc cung cấp thông tin về các quy chế, hướng dẫn, dịch vụ, trang thiết bị học tập, hỗ trợ đời sống,... dành cho sinh viên;

#### **1.4.4. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ giảng dạy và nhân viên hỗ trợ**

- Bồi dưỡng, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn: 04 CBGD của khoa tham gia khoá Thực tập sinh cao cấp tại Nga và được cấp Chứng chỉ (năm 2011-2012 và 2014)
- Bồi dưỡng, đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ: các CBGD của Khoa đều có ít nhất 2 bằng đại học ngoại ngữ, các chuyên viên đầu có bằng cao đẳng Anh văn.
- Tập huấn, sinh hoạt chuyên môn về chiến lược giảng dạy và học tập: Khoa thường tổ chức giảng thử cho các GV trẻ, thường đưa vấn đề giới thiệu giáo trình, sách mới và cập nhật nội dung các môn học vào chương trình họp Khoa và các BM.
- Tập huấn, sinh hoạt chuyên môn về công tác đánh giá học tập;
- Tập huấn, sinh hoạt chuyên môn về ứng dụng CNTT trong dạy học;
- Tập huấn, sinh hoạt chuyên môn về công tác sinh viên, nghiệp vụ khác;

#### **1.4.5. Cập nhật cơ sở dữ liệu cho Tổ đảm bảo chất lượng của đơn vị; rà soát và chỉnh sửa các quy trình hoạt động cốt lõi và biểu mẫu của đơn vị**

- Hệ thống văn bản quản lý của đơn vị cần được tổ chức lưu trữ khoa học, an toàn và thuận tiện tra cứu hơn nữa;
- Các quy trình nghiệp vụ cần có sự thống nhất, biểu mẫu được mô tả rõ ràng, được chuẩn hóa và được công bố trên website của đơn vị. Đề nghị Phòng KT&ĐBCL có hướng dẫn cụ thể và có quy trình mẫu về các quy trình do Phòng đưa ra và yêu cầu các đơn vị làm theo.
- Các báo cáo định kỳ cho nhà trường về hoạt động của đơn vị được thực hiện đầy đủ và kịp thời, được lưu trữ đầy đủ và tiện truy xuất khi cần;
- Hệ thống văn bản quản lý của đơn vị được định kỳ soát xét và chỉnh lý để phù hợp với yêu cầu công tác.

Nhìn chung, hoạt động đảm bảo chất lượng còn mang tính hình thức, đối phó. Ngoài ra, giai đoạn từ 2011 trở về trước, do Khoa không ý thức trong việc lưu trữ dữ liệu, minh chứng, cho nên 100% dữ liệu, minh chứng liên quan đến các hoạt động của Khoa ở giai đoạn này đã thất thoát, gây khó khăn rất lớn cho công tác kiểm định và đảm bảo chất lượng ở giai đoạn 2011-2015.

**Tự đánh giá:** Hoàn thành nhiệm vụ.

**Kiến nghị:** Các phòng ban liên quan đến công tác ĐBCL nên phối hợp với nhau và với các khoa, BM tốt hơn, hiệu quả hơn để giảm thiểu khó khăn cho các đơn vị trong mảng công tác ĐBCL, nhất là việc lưu giữ tài liệu minh chứng.

### **1.5. Về hợp tác quốc tế**

Bối cảnh chung của ngành tiếng Nga là CBGD, chuyên viên cũng như SV có rất nhiều cơ hội nhận học bổng toàn phần do Nga và Chính phủ VN cấp (theo Hiệp định Liên chính phủ VN-Nga về vấn đề hoàn nợ). Do đó việc hợp tác quốc tế cấp khoa giữa những nơi đào tạo tiếng Nga với các trường ĐH Nga hầu như không phát triển. Tuy nhiên, trong 5 năm qua, Khoa vẫn cố gắng tìm cơ hội để tổ chức được 2 buổi tọa đàm khoa học giữa các Giáo sư, đại diện ngành giáo dục của Nga với CBGD của Khoa: năm 2011 với GS Shaklein, trường ĐHTH RUĐN (Moskva) và năm 2013 với đoàn đại biểu các trường ĐH, viện Tiếng Nga và Nhà xuất bản Zlatoust. Ngoài ra, Khoa thường xuyên duy trì quan hệ hợp tác với Nhà Văn hoá Nga tại Hà Nội, Phân viện Tiếng Nga mang tên Pushkin tại Hà Nội và Quỹ Thế giới Nga tại TPHCM để các CBGD của Khoa có thể tham gia các hội nghị, hội thảo, tọa đàm nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và hoàn thiện phương pháp giảng dạy.

Năm học từ 2011-2015, có 02 lượt CBGD của Khoa (04 người) tham dự chương trình Thực tập sinh cao cấp tại Nga và được cấp Chứng chỉ (năm 2011-2012 và 2014), 01 CBGD tham gia Hội nghị GV tiếng Nga trẻ tại Nga (năm 2013), 02 CBGD tham gia hội thảo KH tại Nhà Văn hoá Nga tại Hà Nội, và tổ chức Khoa đã huy động được phần lớn CBGD tham gia 2 đợt hội thảo KH do Quỹ Thế giới Nga tại TPHCM (năm 2013, 2014).

Khoa cũng tổ chức tốt cho SV tham gia kỳ thi Olympic tiếng Nga thường niên do Phân viện Tiếng Nga Pushkin và Nhà Văn hoá Nga tổ chức. Liên tục những năm gần đây, SV Nga đạt được giải thưởng này (năm 2011 – 1 SV, năm 2014 – 1 SV, năm 2015 – 3 SV).

**Tự đánh giá:** Hoàn thành nhiệm vụ.

### **1.6. Quản lý sinh viên**

Công tác quản lý sinh viên chủ yếu nhắm tới một số khía cạnh như:

Đảm bảo tư tưởng chính trị của sinh viên.

Kích thích tinh thần học tập, tổ chức nhiều hoạt động phong trào của sv nhằm tạo sân chơi lành mạnh sau những giờ học căng thẳng. Trong những năm học vừa qua, hàng loạt các hoạt động của Đoàn khoa, Hội sinh viên Khoa, Câu lạc bộ Tiếng Nga... được tổ chức, ví dụ,

các hoạt động thường niên như: Ngày hội chào đón tân sinh viên (tháng 9), Lễ chào mừng chào mừng Ngày Nhà giáo Việt Nam (tháng 11), các lễ hội tháng 3, tháng 5, tháng 7, tháng 11, tháng 12 tại Nhà Hữu nghị, Quỹ Thế giới Nga. SV khoa Nga luôn đóng góp các tiết mục văn nghệ cho các hoạt động trên. Đặc biệt, khoa đã tổ chức thành công lễ hội kỷ niệm 35 năm thành lập Khoa vào tháng 12 năm 2013.

Khoa cũng tổ chức tốt cho SV tham gia kỳ thi Olympic tiếng Nga thường niên do Phân viện Tiếng Nga Pushkin và Nhà Văn hoá Nga tổ chức. Liên tục những năm gần đây, SV Nga đạt được giải thưởng này (năm 2011 – 1 SV, năm 2014 – 1 SV, năm 2015 – 3 SV).

Đối với đối tượng sinh viên của Khoa đang học tập tại Nga, ngoài việc tổ chức các buổi gặp mặt, trao đổi, dẫn dò trước và sau khóa học, chúng tôi còn thường xuyên liên lạc, nắm bắt tình hình qua điện thoại, giảm thiểu mọi khó khăn cho sinh viên trong quá trình theo học ở nước bạn.

**Tự đánh giá:** Hoàn thành tốt nhiệm vụ.

## **1.7. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ VÀ NHỮNG ĐIỂM MẠNH, ĐIỂM YẾU**

### **1.7.1. Nhận xét, đánh giá**

Trong 5 năm từ 2011 đến 2015, Khoa Ngữ văn Nga đã tiếp tục đẩy mạnh hoạt động giảng dạy, nâng cao chất lượng giảng dạy và nghiên cứu khoa học, đáp ứng yêu cầu phát triển của Nhà trường và nhu cầu của xã hội các tỉnh phía Nam.

Số lượng cán bộ trong 5 năm nhìn chung không biến đổi nhiều nhưng chất lượng đội ngũ được nâng cao, đáp ứng cho nhu cầu công tác của các Bộ môn, của Khoa và của Trường.

Về bài học kinh nghiệm: Thứ nhất, xây dựng, củng cố tinh thần đoàn kết, tương trợ, lẫn nhau trong sinh hoạt và công tác để cùng thực hiện tốt nhiệm vụ được giao; giữ vững nguyên tắc làm việc theo quy chế; Thứ hai, mạnh dạn phát triển đội ngũ, tin cậy cán bộ, mạnh dạn giao nhiệm vụ cho cán bộ trẻ.

### **1.7.2. Điểm mạnh, điểm yếu**

#### **- Điểm mạnh:**

+ Khoa có đội ngũ CBGD rất nhiệt tình và có trách nhiệm trong công tác GD. Lớp GV lớn tuổi có nhiều kinh nghiệm và luôn sẵn sàng hướng dẫn, hỗ trợ, giúp đỡ GV trẻ.

+ Đội ngũ cán bộ giảng dạy, nghiên cứu của Khoa đang ngày càng trẻ hóa, được đào tạo bài bản từ các cơ sở đào tạo uy tín tại Nga, khiến chất lượng đào tạo của Khoa không ngừng được nâng cao.

#### **- Điểm yếu:**

+ Đội ngũ cán bộ giảng viên trong Khoa chưa đủ về số lượng và thuộc hai thế hệ cách rất xa nhau (17 năm) do đó có tình trạng dạy vượt chuẩn quá nhiều và không có lớp CBGD kế cận.

+ Phương thức đào tạo chưa đa dạng, chưa tiếp cận trình độ quốc tế, chưa gắn kết thật chặt chẽ với nhu cầu của nhà tuyển dụng.

+ Nghiên cứu khoa học chưa thực sự trở thành một trong những động lực của sự phát triển, chưa hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh.

+ Đào tạo Sau đại học khó phát triển chủ yếu do người học có nhiều cơ hội, dễ dàng nhận học bổng đi học cao học và NCS tại Nga.

## **2. KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2016-2020**

### **2.1. Mục tiêu chung**

Khoa Ngữ Văn Nga có những bước cập nhật, đổi mới trong quản lý, đào tạo, nghiên cứu khoa học để trở thành một trong những cơ sở tiên tiến về đào tạo, nghiên cứu phục vụ cộng đồng trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn nói chung và ngành ngoại ngữ nói riêng. Khoa phấn đấu hoàn thành các đề án mở ngành đào tạo sau đại học và thực hiện được chương trình đào tạo sau đại học ngành Ngôn ngữ Nga.

### **2.2. Mục tiêu cụ thể:**

#### **2.2.1 Phát triển đội ngũ**

##### **2.2.1.1 Mục tiêu:**

Phát triển nhanh, vững chắc và toàn diện nguồn nhân lực, chuẩn hóa và nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, chuyên viên về giảng dạy, nghiên cứu, quản lý, đáp ứng nhu cầu đào tạo của Khoa và của Trường.

Tăng số lượng GV để tránh tình trạng dạy quá tải và để bù đắp số GV đến tuổi về hưu (ít nhất là 3 người vào năm 2017-2018 và 02 người vào năm 2019-2020)

Thay đổi cơ cấu giảng viên, tăng tỷ lệ tiến sĩ, giảm số giảng viên có trình độ thạc sĩ, tăng giảng viên có chức danh phó giáo sư, giảng viên chính.

Về định hướng học hàm, chức danh trong đội ngũ cán bộ trong Khoa: Tính đến 2015, Khoa đã có 06 GVC (tuy nhiên tất cả số GVC này sẽ về hưu trong giai đoạn đến 2017-2020), do vậy Khoa sẽ phấn đấu để đến năm 2019 – 2020 có 02-03 GVC mới.

Về định hướng học vị của đội ngũ cán bộ trong Khoa: Tính đến 2015, Khoa đã có 02 TS, dự kiến đến năm 2020, Khoa sẽ có thêm ít nhất 4 TS ngoài nước, nâng số TS trong Khoa lên 6 người.

Khoa có định hướng mở thêm ngành đào tạo mới là Biên phiên dịch, do vậy Khoa sẽ chú ý đẩy mạnh và cải thiện hoạt động của bộ môn Thực hành tiếng nâng cao và Tiếng Nga chuyên ngành và bộ môn Văn hóa - Văn học Nga thuộc Khoa, xây dựng hai bộ môn này thành những bộ môn đảm nhiệm hướng đào tạo mới của Khoa.

### **2.2.1.2 Giải pháp:**

- Tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ giảng viên trong Khoa tự nâng cao nghiệp vụ giảng dạy, hoặc tham gia các lớp tập huấn nghiệp vụ trong và ngoài nước, nâng cao kiến thức để phục vụ công việc giảng dạy.

- Khuyến khích các giảng viên chưa có học vị Tiến sĩ tham gia các lớp NCS ở các trường đại học có uy tín trong và ngoài nước.

- Phối hợp các phòng ban thông tin, tư vấn kịp thời, tạo điều kiện cho giảng viên đủ điều kiện thi nâng ngạch. Đặc biệt, cần tư vấn kịp thời về tiêu chuẩn thi nâng ngạch cho từng giảng viên trong Khoa.

- Thực hiện nghiêm quy định của Nhà trường và chỉ thị của Hiệu trưởng về hậu tuyển dụng.

### **2.2.1.3. Chỉ tiêu**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>2016</b>	<b>2017</b>	<b>2018</b>	<b>2019</b>	<b>2020</b>	<b>Điều kiện</b>

### **2.2.2. Công tác đào tạo đại học**

#### **2.2.2.1. Mục tiêu:**

- Ở nội dung này, trong giai đoạn từ 2016 – 2020, có một số khía cạnh sau cần tập trung giải quyết:

- Thứ nhất, căn cứ chuẩn đầu ra, Khoa tiếp tục rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra trên cơ sở thống nhất ý nguyện của cơ sở đào tạo, người học và nhà tuyển dụng, hoàn thiện bộ Đề cương chi tiết các môn học thuộc chương trình giáo dục đại học do Khoa quản lý theo chuẩn AUN, nhằm tới việc điều chỉnh ít nhất 15% số môn học hoặc nội dung môn học trong tổng số môn học theo các năm học chẵn.

- Thứ hai, trên cơ sở chuẩn đầu ra đã được xác định, chuẩn hoá lại chương trình đào tạo cho cả hệ đào tạo chính quy tập trung và sau đại học. Đặc biệt chú ý xác định lại tỷ lệ các khối kiến thức, tăng tính liên thông giữa các khối kiến thức, tăng khả năng liên thông giữa các ngành đào tạo thuộc Khoa, giữa các Khoa, Bộ môn thuộc Trường.

- Thứ ba, đẩy mạnh công tác soạn và xuất bản giáo trình, tài liệu tham khảo. Liên quan đến công tác này, cần phải có biện pháp chế tài và thực hiện rõ ràng hơn.

Thứ tư, tiếp tục thiết kế môn học theo định hướng nghề nghiệp cho sinh viên chuyên ngành Ngữ văn Nga, bao gồm: Nghiên cứu dạy tiếng Nga, Biên – phiên dịch, Thương mại và đặc biệt là Du lịch, nhằm đáp ứng tốt nhu cầu đa dạng của người học.



### **2.2.2.2. Giải pháp**

- Tổ chức lấy ý kiến nhà tuyển dụng về chương trình đào tạo, sau đó điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện nội dung chương trình đào tạo.

- Tiếp tục phối hợp tổ chức công tác dự giờ và cải tiến chất lượng dự giờ; lấy ý kiến sinh viên, cựu sinh viên về môn học, khóa học, sau đó gửi kết quả khảo sát đến giảng viên để điều chỉnh, cải tiến phương pháp giảng dạy.

- Rà soát, đổi mới, bổ sung và cập nhật nội dung giáo trình, tài liệu tham khảo của các môn học. Hợp tác với các học giả có uy tín học thuật trong và ngoài trường biên soạn và hoàn chỉnh bộ sách công cụ và giáo trình phục vụ cho việc đào tạo các ngành học thuộc các hệ đào tạo khác nhau.

- Thường xuyên chấn chỉnh công tác giáo vụ và công tác phục vụ đào tạo, xem đây là một mảng quan trọng không thể thiếu trong hoạt động đào tạo.

- Chỉ đạo thiết kế đa dạng các môn học thuộc mảng biên phiên dịch, tích hợp vào chương trình đào tạo chung.

### **2.2.2.3. Chỉ tiêu**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>2016</b>	<b>2017</b>	<b>2018</b>	<b>2019</b>	<b>2020</b>	<b>Điều kiện</b>

### **2.2.3. Đào tạo sau đại học**

#### **2.2.3.1. Mục tiêu:**

- Phát triển về mặt số lượng học viên cao học và cố gắng để tăng số lượng đầu ra.

#### **2.2.3.1 Giải pháp**

- Tích cực tuyên truyền, động viên các SV tốt nghiệp của Khoa và các trường khác tham gia học sau đại học tại Khoa

### **2.2.4. Nghiên cứu khoa học**

#### **2.2.4.1. Mục tiêu:**

- Với phương châm nghiên cứu khoa học cốt để nâng cao chất lượng đào tạo các ngành học và ứng dụng những tri thức đã được học vào thực tiễn cuộc sống, trong những năm học từ 2016-2020, cùng với nhiệm vụ đào tạo, Khoa sẽ đặc biệt chú trọng công tác nghiên cứu khoa học, coi nghiên cứu khoa học là nhiệm vụ và là tiêu chuẩn thi đua hàng năm đối với từng cán bộ giảng dạy. Trên cơ sở nêu trên, BCN Khoa:

- Nâng cao năng lực nghiên cứu của cán bộ, giảng viên trong Khoa. Khuyến khích các Bộ môn và cá nhân tất cả đều tham gia chương trình NCKH cấp Trường, Bộ, Trọng điểm ĐHQG.

- Thúc đẩy việc công bố các công trình khoa học của các cán bộ trong Khoa.
- Về công tác nghiên cứu khoa học sinh viên, tiếp tục công tác tuyên truyền, khích lệ tinh thần hăng say nghiên cứu khoa học sinh viên trong Khoa. Phấn đấu số lượng đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên được duyệt năm sau nhiều hơn năm trước.

#### **2.2.4.2 Giải pháp**

- Đôn đốc cán bộ giảng dạy, đặc biệt là các Tiến sĩ trong Khoa tích cực tham gia nghiên cứu khoa học và công bố khoa học.
- Khuyến khích các Bộ môn và cá nhân tất cả đều tham gia chương trình NCKH cấp Trường, Bộ.
- Mỗi giảng viên trong năm học phải hoàn thành và công bố ít nhất 01 công trình khoa học hay 01 bài báo hoặc xuất bản 01 giáo trình trong 01 năm học, Khoa sẽ lấy đó làm tiêu chí chủ yếu đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của năm học.

#### **2.2.5. Hợp tác quốc tế**

##### **2.2.5.1 Mục tiêu:**

- Duy trì các mối quan hệ hợp tác quốc tế hiện có giữa Khoa với tổ chức Nga như Viện, Phân viện Tiếng Nga Pushkin, trường ĐHTH RUĐN Moskva, Nhà Văn hoá Nga, Quỹ Thế giới Nga. Đồng thời xúc tiến việc thành lập Phòng Thế giới Nga do Quỹ Thế giới Nga tài trợ tại trường, cũng như tích cực tìm kiếm thêm những đối tác mới.

##### **2.2.5.2. Giải pháp**

- Tận dụng mọi quan hệ để tiếp tục mở rộng quan hệ quốc tế, thúc đẩy mối quan hệ giao lưu, trao đổi học thuật với các trường đại học tại Nga... tận dụng mọi cơ hội để đào tạo cán bộ, thúc đẩy đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy.

#### **2.2.6. Hoạt động đảm bảo chất lượng**

##### **2.2.6.1 Mục tiêu:**

- Xác định mục tiêu tham gia đánh giá ngoài nội bộ cấp ĐHQG-HCM trước 2020, hoạt động đảm bảo chất lượng của Khoa trong giai đoạn sắp tới cần tập trung vào các mảng công tác sau:

##### **2.2.6.1.1. Rà soát và điều chỉnh chương trình giáo dục**

- Rà soát và điều chỉnh chuẩn đầu ra của chương trình giáo dục;
- Rà soát và điều chỉnh các đề cương chi tiết;
- Bổ sung hoặc sửa đổi các môn học/tên môn học, số tín chỉ;
- Xây dựng sơ đồ các môn học và/hoặc bảng ma trận của toàn bộ chương trình học;
- Lấy ý kiến các bên liên quan, nhất là nhà tuyển dụng, về chương trình giáo dục.

##### **2.2.6.1.2. Xem xét và điều chỉnh quá trình đào tạo**

- Theo dõi quá trình giảng dạy của giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng (sổ đầu bài, giờ,...);

- Theo dõi quá trình ra đề thi, coi thi, chấm thi, trả điểm thi;
- Xử lý kết quả phản hồi từ các bên có liên quan do Phòng KT&ĐBCL cung cấp;
- Xử lý các thắc mắc, khiếu nại của người học và đồng nghiệp.

#### **2.2.6.1.3. Theo dõi và điều chỉnh công tác hỗ trợ-phục vụ người học**

- Công tác cố vấn học tập, công tác chủ nhiệm, giờ tiếp sinh viên...;
- Công tác hoạt động ngoại khóa, tư vấn hướng nghiệp, huấn luyện kỹ năng mềm...;
- Việc cung cấp thông tin về các quy chế, hướng dẫn, dịch vụ, trang thiết bị học tập,

hỗ trợ đời sống cho sinh viên.

#### **2.2.6.1.4. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ giảng dạy và nhân viên hỗ trợ**

- Bồi dưỡng, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn và nghiên cứu;
- Bồi dưỡng, đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ;
- Tập huấn, sinh hoạt chuyên môn về chiến lược giảng dạy và học tập;
- Tập huấn, sinh hoạt chuyên môn về công tác đánh giá học tập;
- Tập huấn, sinh hoạt chuyên môn về ứng dụng CNTT trong dạy học;
- Tập huấn, sinh hoạt chuyên môn về công tác sinh viên, nghiệp vụ khác.

#### **2.2.6.1.5. Cập nhật cơ sở dữ liệu cho Tổ đảm bảo chất lượng của đơn vị; rà soát và chỉnh sửa các quy trình hoạt động cốt lõi và biểu mẫu của đơn vị**

- Hệ thống văn bản quản lý của đơn vị cần được tổ chức lưu trữ khoa học, an toàn và thuận tiện tra cứu hơn nữa;

- Các quy trình nghiệp vụ cần có sự thống nhất, biểu mẫu được mô tả rõ ràng, được chuẩn hóa và được công bố trên website của đơn vị. Đề nghị Phòng KT&ĐBCL có hướng dẫn cụ thể và có quy trình mẫu về các quy trình do Phòng đưa ra và yêu cầu các đơn vị làm theo.

- Các báo cáo định kỳ cho nhà trường về hoạt động của đơn vị được thực hiện đầy đủ và kịp thời, được lưu trữ đầy đủ và tiện truy xuất khi cần;

- Hệ thống văn bản quản lý của đơn vị được định kỳ soát xét và chỉnh lý để phù hợp với yêu cầu công tác.

#### **2.2.6.2. Giải pháp**

- Xây dựng đội ngũ chuyên trách ổn định cho Tổ đảm bảo chất lượng của đơn vị. Huy động toàn bộ cán bộ, giảng viên, sinh viên trong Khoa có ý thức và trực tiếp tham gia vào công tác kiểm định.

- Thực hiện nghiêm và có chất lượng các mảng công tác theo nhiệm vụ và chức năng, trên cơ sở rà soát và đánh giá kết quả thực hiện công tác của mỗi năm học.

- Phối hợp cùng Phòng KT&ĐBCL tổ chức thực hiện chiến lược phát triển đảm bảo chất lượng của Trường.

## **2.2.7. Quản lý sinh viên**

### **2.2.7.1. Mục tiêu:**

- Công tác quản lý sinh viên chủ yếu nhằm tới một số khía cạnh như:
- Đảm bảo tư tưởng chính trị của sinh viên.
- Kích thích tinh thần học tập, tổ chức nhiều hoạt động phong trào của SV nhằm tạo sân chơi lành mạnh sau những giờ học căng thẳng. Trong các năm học tới, Khoa sẽ tiếp tục phối hợp cùng Đoàn Khoa, Hội sinh viên Khoa tổ chức các hoạt động thường niên như:
  - + Tháng 9: Ngày hội chào đón tân sinh viên
  - + Tháng 11: Lễ tri ân chào mừng Ngày Nhà giáo Việt Nam.
  - + Tháng 3: Lễ hội tiễn mùa đông và đón mùa xuân.
  - + Tháng 5: Tổ chức huấn luyện kỹ năng sống, kỹ năng mềm cho SV của Khoa.
- Ngoài ra, còn có hoạt động liên tục trong năm của các câu lạc bộ, đoàn đội như: CLB Tiếng Nga Khoa, tham gia hoạt động tại Nhà Hữu nghị TP, Quỹ Thế giới Nga...
- Đối với đối tượng sinh viên của Khoa đang học tập tại Nga, ngoài việc tổ chức các buổi gặp mặt, dặn dò trước và sau khóa học, chúng tôi sẽ thường xuyên liên lạc, nắm bắt tình hình qua điện thoại, giảm thiểu khó khăn cho sinh viên trong quá trình theo học ở Nga.

### **2.2.7.2. Giải pháp**

- Củng cố, hoàn thiện các tổ chuyên trách công tác sinh viên thuộc Khoa, phối hợp chặt chẽ với công tác của Đoàn Thanh niên Trường, của Liên Chi hội. Với cán bộ chuyên trách công tác sinh viên, cần cán bộ có nhiệt tình, giàu kinh nghiệm, vững vàng về lập trường tư tưởng.
- Tổ chức tuyên truyền, hướng đạo sinh viên về mặt tư tưởng, giúp sinh viên tự hoàn thiện về tư tưởng, đạo đức và nhân cách.
- Tích cực hỗ trợ trong học tập, nghiên cứu khoa học, đời sống, phong trào văn - thể - mỹ: tổ chức các chương trình hướng dẫn sinh viên về phương pháp học đại học, nghiên cứu khoa học, kỹ năng xin việc, kỹ năng làm việc, giao lưu văn cùng sinh viên nước ngoài,... giúp sinh viên củng cố và nâng cao vốn kiến thức chuyên môn và kiến thức mềm, xác định nghề nghiệp tương lai.
- Duy trì và phát triển mối quan hệ với các doanh nghiệp và cựu sinh viên, tạo cầu nối để nâng cao chất lượng nguồn lao động cung cấp cho xã hội.

**HIỆU TRƯỞNG**

**TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

**TS. Bùi Mỹ Hạnh**